TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2024
V/v: "Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Trang
Ông Phạm Quốc Toàn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/01/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1985.
Địa chỉ: số Z, ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Ông Lê Thanh B, sinh năm 1985.
Địa chỉ: số X, ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà X, ông B vắng mặt tại phiên tòa; bà X có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông B kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến việc vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 5/2023 đến nay. Bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau nên bà xin được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà X trình bày quá trình chung sống ông bà không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông B nhưng ông B đều vắng mặt và cũng không gởi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà X khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông B. Ông B có nơi cư trú tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Vì vậy xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về hôn nhân: Theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn do bà X cung cấp thể hiện Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre chứng nhận kết hôn cho bà X và ông B vào ngày 03/9/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà X trình bày, sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, không còn tiếng nói chung. Ông bà đã ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân bền vững phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, tôn trọng từ cả hai phía vợ và chồng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, tuy nhiên ông B đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Ông B cũng không gởi bất kỳ văn bản nào đến Tòa án thể hiện ý kiến mong muốn hàn gắn với bà X.

Trên thực tế hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X.

[3] Về con chung: Bà X trình bày con chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà X trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông B vắng mặt không

có ý kiến gì, nếu sau này có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 Điều Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X, cụ thể tuyên:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn với ông Lê Thanh B.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh X có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002811 ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận bà X đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan